

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 - 7 - 2022  
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Mua.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim P1, sinh năm 1987 (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Hoàng P2, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị Kim P1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Đặng Hoàng P2 tổ chức lễ cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn ngày 04/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P2 không chí thú làm ăn, chơi cờ bạc gây nợ. Mặc dù, chị và gia đình đã khuyên ngăn anh P2 nhiều lần nhưng không đạt kết quả làm cho vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị và anh P2 sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly

thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh P2.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh P2 có với nhau 01 người con chung tên Đặng Ngọc P3, sinh ngày 19/7/2011 hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh P2 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Anh Đặng Hoàng P2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

#### **- Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh P2 theo thủ tục chung.

#### **- Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị P1 và anh P2 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân anh P2 không chí thú làm ăn, chơi cờ bạc gây nợ là cho chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Chị P1, anh P2 có thời gian sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị P1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh P2. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P2 không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị P1. Căn cứ vào lời trình bày của chị P1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa chị P1 và anh P2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị P1 và anh P2.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị P1 và anh P2 có với nhau 01 người con chung là cháu P3 đã trên 11 tuổi, hiện do chị P1 nuôi dưỡng. Cháu P3 có nguyện vọng được sống với chị P1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P2 không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của chị P1. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt, cũng như nguyện vọng của cháu P3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu P3 cho chị P1 được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị P1 không yêu cầu anh P2 cấp dưỡng cho con, anh Phương có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị P1 phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Kim P1 và anh Đặng Hoàng P2.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Đặng Ngọc P3, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2011 cho chị Võ Thị Kim P1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Võ Thị Kim P1 không yêu cầu anh Đặng Hoàng P2 cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Đặng Hoàng P2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Kim P1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị P1 đã nộp theo biên lai thu số N<sup>o</sup> 0010720 ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Võ Thị Kim P1, vắng mặt anh Đặng Hoàng P2. Báo cho chị P1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh P2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã N: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Cao Minh Tân**